

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 13/2018/DS-ST

Ngày: 15-5-2018

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Diễm

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Huân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R: Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 03/2018/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2018/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Thanh S, sinh năm: 1947

Nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường N, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Hà Nhật T, sinh năm: 1987

Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường A, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 08/01/2018 và bản tự khai ngày 16/01/2018, 02/4/2018, nguyên đơn ông Phan Thanh S trình bày:* Vào ngày 15/4/2014, ông Hà Nhật T có vay của ông số tiền 5.000.000đ; ngày 29/9/2014 tiếp tục vay 10.000.000đ; ngày 10/10/2014, vay 5.000.000đ; tổng cộng ông T vay của ông 20.000.000đ. Ba lần vay tiền này ông T đều viết giấy vay và có thỏa thuận lãi suất trả hàng tháng là 5%. Trong năm 2016 và 2017, ông T đã trả cho ông được 10.500.000đ tiền gốc và lãi. Sau đó, ông nhiều lần yêu cầu ông T trả nợ nhưng ông T không trả nên ông yêu cầu Tòa án buộc ông T phải trả nợ gốc và lãi theo

lãi suất 10%/năm tính lần lượt từ các lần vay cho đến ngày 15/01/2018 đối với từng khoản nợ sau khi đã trừ số tiền 10.500.000đ. Cụ thể, số tiền 5.000.000đ từ ngày 15/4/2014 đến ngày 15/01/2018 là 45 tháng, tiền lãi 1.875.000đ; số tiền 10.000.000đ từ ngày 29/9/2014 đến ngày 15/01/2018 là 39 tháng, tiền lãi 3.250.000đ; số tiền 5.000.000đ từ ngày 20/10/2014 đến ngày 15/01/2018 là 38 tháng, tiền lãi 1.583.000đ; tổng cộng tiền lãi 6.708.000đ. Ông T đã trả 10.500.000đ nên ông trừ tiền lãi 6.708.000đ và tiền gốc 3.792.000đ, còn nợ 16.208.000đ. Vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả cho ông số tiền nợ gốc 16.208.000đ và không yêu cầu tiền lãi.

** Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:* Hợp đồng vay tiền ngày 15/4/2014, 29/9/2014 và ngày 10/10/2014; chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu mang tên Phan Thanh S.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phan Thanh S. Buộc ông Hà Nhật T phải trả cho ông Phan Thanh S số tiền nợ 16.208.000đ. Ông T phải nộp 810.400đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Phan Thanh S có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố R giải quyết buộc ông Hà Nhật T phải trả cho ông số tiền vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông T nhưng ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào hợp đồng vay tiền ngày 15/4/2014, 29/9/2014 và 10/10/2014 của ông Hà Nhật T do nguyên đơn ông S cung cấp có cơ sở xác định: Vào các ngày 15/4/2014, 29/9/2014 và 10/10/2014, ông T lần lượt vay của ông S số tiền 5.000.000đ, 10.000.000đ và 5.000.000đ; lãi suất 5%/ tháng, lãi trả từng tháng một. Năm 2016 và 2017, ông T đã trả được cho ông S 10.500.000đ và sau đó ông T không tiếp tục việc trả nợ mặc dù ông S đã nhiều lần yêu cầu ông T trả nợ nhưng ông T vẫn chây ỳ không trả.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông S yêu cầu Tòa án trừ số tiền bị đơn ông T đã trả vào tiền lãi của các lần vay cho đến ngày 15/01/2018 là 6.708.000đ và tiền nợ gốc 3.792.000đ nên ông T phải trả cho ông số tiền nợ gốc còn lại 16.208.000đ và không yêu cầu tiền lãi.

Xét: Việc vay tài sản giữa nguyên đơn ông S và bị đơn ông T là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, quá trình vay tài sản đã diễn ra với thời gian khá dài, bị đơn không thực hiện việc trả nợ mặc dù nguyên đơn nhiều lần yêu cầu bị đơn trả, đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Theo các hợp đồng vay tiền lãi suất hai bên thỏa thuận là 5%/tháng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông S chỉ yêu cầu ông T trả lãi 10%/năm từ các lần vay cho đến ngày 15/01/2018 là 6.708.000đ. Ông T đã trả được 10.500.000đ gốc và lãi, cụ thể gốc 3.792.000đ, lãi 6.708.000đ; còn nợ gốc 16.208.000đ. Do đó, nguyên đơn ông S yêu cầu bị đơn ông T phải trả số nợ gốc còn lại cho ông là có cơ sở, phù hợp với Điều 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Ông T phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm, cụ thể 16.208.000đ x 5% = 810.400đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, 466, 468 và 469 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. **Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Thanh S.** Buộc ông Hà Nhật T phải trả cho ông Phan Thanh S 16.208.000đ (Mười sáu triệu hai trăm lẻ tám ngàn đồng).

2. Về án phí:

Ông Hà Nhật T phải nộp 810.400đ (Tám trăm mười ngàn bốn trăm đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Phan Thanh S 399.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0012110 ngày 15/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R.

3. Quy định: Kể từ ngày ông Phan Thanh S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hà Nhật T không thi hành khoản tiền phải trả thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Ông Phan Thanh S có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Hà Nhật T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Công